TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2018
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Ngọc The

Bà Triệu Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Minh N, sinh ngày 25/8/1987; Địa chỉ: Tổ 15 phường X, thành phố Y, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bàn Đức T, sinh ngày 11/11/1987; Địa chỉ: Xóm P, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lưu Minh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N chung sống với anh T từ tháng 01 năm 2014, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu nhưng chưa đi đăng ký kết hôn do sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục của dân tộc chị N đi học thời gian dài. Đến năm 2015 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không đồng nhất quan điểm trong cuộc sống dẫn đến xảy ra xung đột thường xuyên. Năm 2016 anh T chuyển công tác, chị N tiếp tục đi học thì mâu thuẫn càng trầm trọng và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Mặc dù sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng những mâu thuẫn, xung đột không giảm đi mà ngày càng trầm trọng hơn, cả hai anh chị đều không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn quá trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng ly hôn và yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

Về nuôi con chung: Chị N xác nhận anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác nhận anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - anh Bàn Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T xác nhận những lời khai của chị N về thời gian chung sống cũng như việc anh chị không đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi chung sống, chị N đi học thời gian dài nên tình cảm giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện tại chị N có nguyện vọng ly hôn và yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N, anh đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

Về nuôi con chung: Anh T xác nhận anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác nhận anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Chị Lưu Minh N khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bàn Đức T. Anh T có hộ khẩu và địa chỉ thường trú xóm P, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh T chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2014 trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Mặc dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng trong quá trình chung sống đến nay, anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau một thời gian chung sống thì tình cảm giữa chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N đi học thời gian dài và anh T chuyển công tác, anh chị không có chung quan điểm sống, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và từ năm 2016 anh chị sống ly thân cho đến nay. Hiện nay chị N yêu cầu ly hôn và đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T. Mặt khác, anh T cũng đồng ý với yêu cầu của chị N. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị N là có căn cứ để chấp nhận và cần tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Minh N và anh Bàn Đức T là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh T cùng xác nhận anh, chị không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét để giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N và anh T cùng xác nhận anh, chị không có tài sản chung và các khoản nợ chung, không đưa ra yêu cầu về chia tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét để giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Lưu Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 54, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Minh N và anh Bàn Đức T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lưu Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/02441 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- Đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngôn Ngọc Viên